

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

GIÁM ĐỐC CÔNG TY THỦY ĐIỆN ĐẠI NINH

Căn cứ Quyết định số 373/QĐ-EVNGENCO1 ngày 27/9/2019 của Tổng công ty Phát điện 1 về việc phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty Thủy điện Đại Ninh;

Căn cứ Quyết định số 3023/QĐ-BCT ngày 01/6/2012 của Bộ Công thương về việc thành lập Công ty mẹ - Tổng công ty Phát điện 1;

Căn cứ nội dung tại Mục 1, Chương X, Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ nội dung tại Điều 108, Chương IX, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kỹ thuật và An toàn Công ty.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là “Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường” trong Công ty Thủy điện Đại Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Phó Giám đốc, Trưởng các phòng/phân xưởng và toàn thể CBCNV trong Công ty căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Giám đốc;
- Lưu: VT, KTAT, HCLĐ, PXSC, PXVH, KHVT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Phước

KẾ HOẠCH PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1.1. Tên chủ cơ sở: Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 1 – Công ty Thủy điện Đại Ninh (tên chi nhánh viết tắt: Công ty Thủy điện Đại Ninh).

- Địa chỉ văn phòng: Thôn Ninh Hòa, xã Ninh Gia, tỉnh Lâm Đồng.

- Người đại diện theo pháp luật của cơ sở: Ông Nguyễn Hữu Phước - Giám đốc

- Điện thoại: 02632212259

Fax: 02633671436

- Công ty Thủy điện Đại Ninh được thành lập ngày 30/7/2007 theo Quyết định số 634/QĐ-EVN-HDQT của Tập đoàn Điện lực Việt Nam; là thành viên hạch toán phụ thuộc, trực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Công ty chính thức đi vào hoạt động kể từ ngày 01/10/2007. Từ ngày 01/01/2013 Công ty là đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty phát điện 1 theo Quyết định số 3023/QĐ-BCT ngày 01/06/2012 của Bộ Công thương về việc thành lập Công ty mẹ - Tổng công ty Phát điện 1. Công ty đang quản lý vận hành hệ thống thiết bị, công trình nhà máy thủy điện Đại Ninh với công suất là 300 MW (gồm 02 tổ máy, mỗi tổ 150MW). Sản lượng điện bình quân hàng năm theo thiết kế là 928 triệu kWh.

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh: 5701662152-002 do phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp lần đầu ngày 10/01/2013, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 05/12/2022.

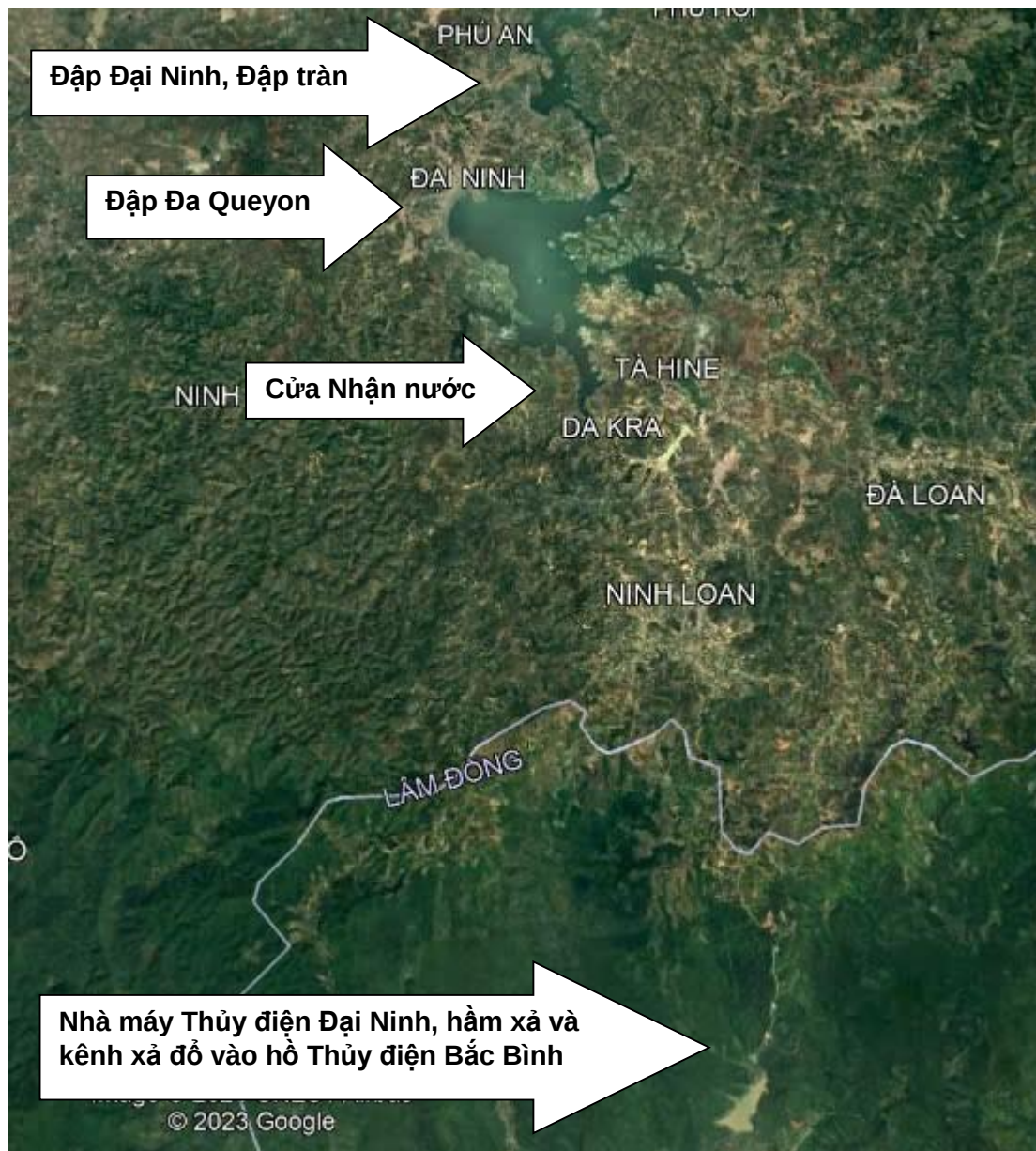
1.2. Tên cơ sở: Nhà máy thủy điện Đại Ninh.

1.2.1. Địa điểm cơ sở: xã Phan Sơn, tỉnh Lâm Đồng.

Tọa độ các hạng mục công trình chính:

Hạng mục	Tọa độ (VN2000)		Vị trí địa lý
	X (m)	Y (m)	
Đập chính Đa Nhim	1288400,5	561980,9	Tỉnh Lâm Đồng
Đập chính Đa Queyon	1286400,9	561505,8	Tỉnh Lâm Đồng
Đập tràn	1288332,905	561985,773	Tỉnh Lâm Đồng
Cửa lấy nước	1281285,9	562927,7	Tỉnh Lâm Đồng
Tháp điều áp	1270453,09	484304,08	Tỉnh Lâm Đồng
Nhà máy	1268782,0	484215,3	Tỉnh Lâm Đồng

Hạng mục	Tọa độ (VN2000)		Vị trí địa lý
	X (m)	Y (m)	
Điểm cuối kênh xả sau nhà máy	1268137,3	484142,4	Tỉnh Lâm Đồng
Khu nhà quản lý vận hành nằm trong khuôn viên nhà máy	1268654,132	484198,7	Tỉnh Lâm Đồng
Trạm phân phối nằm trong khuôn viên nhà máy	1268384,853	483916,424	Tỉnh Lâm Đồng



Hình 1 - Các hạng mục chính của công trình



Hình 2 - Tuyến đường ống, nhà máy, hồ thủy điện Bắc Bình

II. MÔ TẢ VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT

- Nước từ hồ thủy điện Đại Ninh → Qua Cửa nhận nước, sau đó theo đường hầm dẫn nước dài 11,2 km xuyên qua lòng núi → Đến Nhà van → Đến Đường ống áp lực bằng thép dài 1,818 km → Qua Tua bin của Nhà máy thủy điện Đại Ninh để phát điện → Nước sau khi chạy các tổ máy phát điện sẽ đổ vào hồ thủy điện Bắc Bình.

- Nhà máy thủy điện Đại Ninh có công suất lắp máy 300MW với sản lượng điện thiết kế 928 triệu kWh được đưa vào vận hành từ năm 2008, là công trình thủy điện kiểu “Đường dẫn”, có nhiệm vụ phát điện cung cấp cho hệ thống điện Quốc Gia và chuyển nước từ lưu vực sông Đồng Nai sang lưu vực sông Lũy.

- Hồ chứa thủy điện Đại Ninh được hình thành bởi: 02 đập chính Đa Nhim và Đa Queyon, 04 đập phụ, 01 đập tràn vận hành, 01 đập tràn sự cố và một kênh nối thông giữa hai hồ Đa Nhim và hồ Đa Queyon; tổng dung tích hồ chứa thủy điện Đại Ninh là 319,77 triệu m³.

III. MỤC ĐÍCH CỦA KẾ HOẠCH

- Phòng ngừa, giảm thiểu sự cố môi trường có thể xảy ra trong Công ty.
- Giảm thiểu sự cố cháy, nổ trong Công ty.

IV. YÊU CẦU CỦA PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020.
- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.
- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

- Quy chuẩn Việt Nam - QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt.

VI. BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Biện pháp bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt

a) Nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các khu nhà vệ sinh nhà máy, Trạm phân phối, Đập tràn. Nguồn phát sinh nước thải như sau:

STT	Nguồn phát sinh	Khối lượng
1	Nhà vệ sinh khu vực nhà máy, khu nhà quản lý vận hành	3,5 m ³ /ngày
2	Nhà vệ sinh Trạm phân phối	0,1 m ³ /ngày
3	Nhà vệ sinh Đập tràn	0,1 m ³ /ngày

b) Công trình thu gom, thoát nước thải sinh hoạt

- Khu vực Nhà quản lý vận hành (Admin)

+ Nước thải sinh hoạt theo đường ống PVC D100÷200 tự chảy về cụm bể xử lý nước thải sinh hoạt 5 ngăn của khu vực Nhà quản lý vận hành, công suất 4,5m³/ngày.đêm để xử lý đạt quy chuẩn quy định trước khi thải ra khe nước tự nhiên tại khu vực và tự chảy ra hồ chứa thủy điện Bắc Bình.

+ Nước thải từ nhà ăn được tách rác tại vị trí chế biến thức ăn và tự chảy qua bể tách mỡ, phần nước sẽ theo đường ống thu gom nước thải PVC D150÷200 tự chảy về cụm bể xử lý nước thải sinh hoạt 5 ngăn của khu vực Nhà quản lý vận hành. Phần dầu mỡ tách ra được cơ sở thu gom và xử lý theo quy định.

- Khu vực Nhà máy: Nước thải sinh hoạt theo đường ống PVC D200 tự chảy về cụm bể xử lý nước thải sinh hoạt 5 ngăn của khu vực Nhà máy, công suất 4,5m³/ngày.đêm để xử lý đạt quy chuẩn quy định trước khi thải ra khe nước tự nhiên tại khu vực và tự chảy ra hồ chứa thủy điện Bắc Bình.

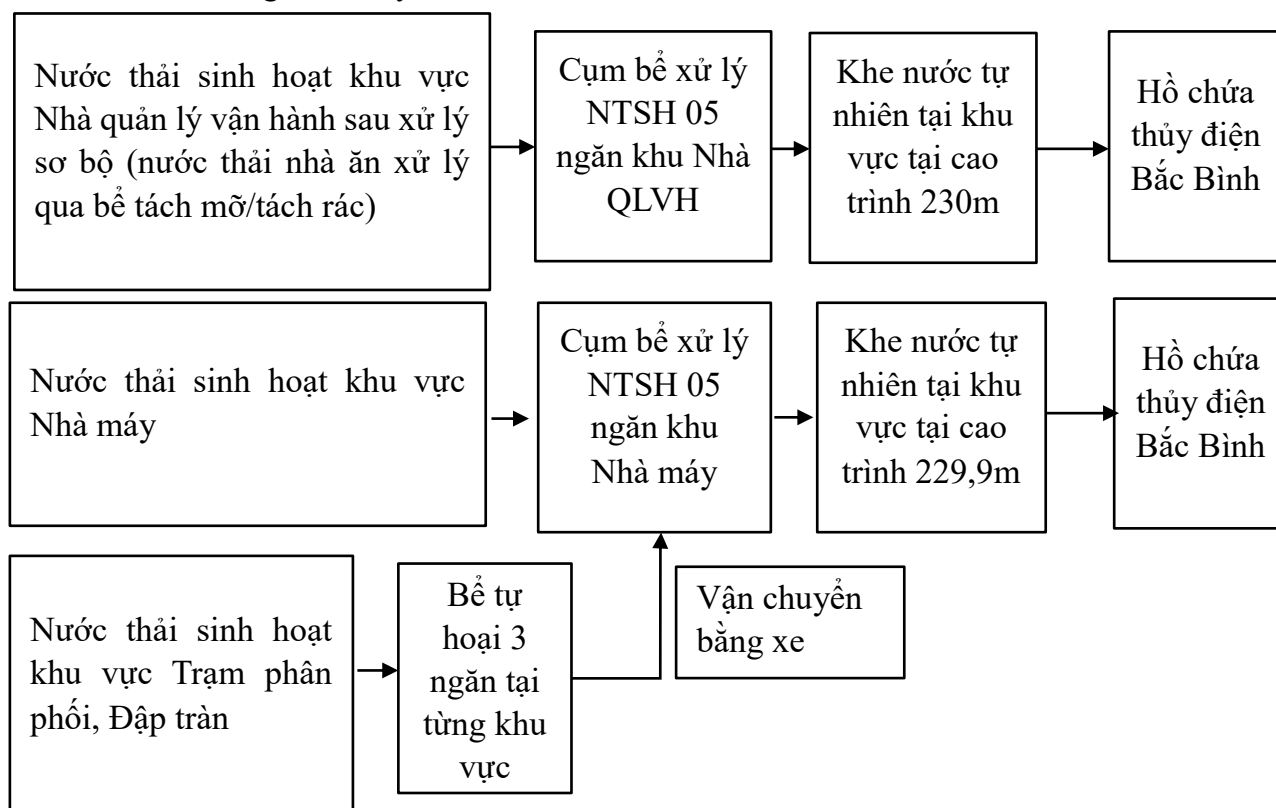
- Khu vực Trạm phân phối: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại khu vực Trạm phân phối theo đường ống PVC D100 thu gom về bể tự hoại 3 ngăn để xử lý sơ bộ. Định kỳ 01 tháng/lần, nước thải được bơm lên bồn chứa 01m³ và vận chuyển bằng xe về cụm bể xử lý nước thải sinh hoạt khu Nhà máy để xử lý đạt Quy chuẩn quy định trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.



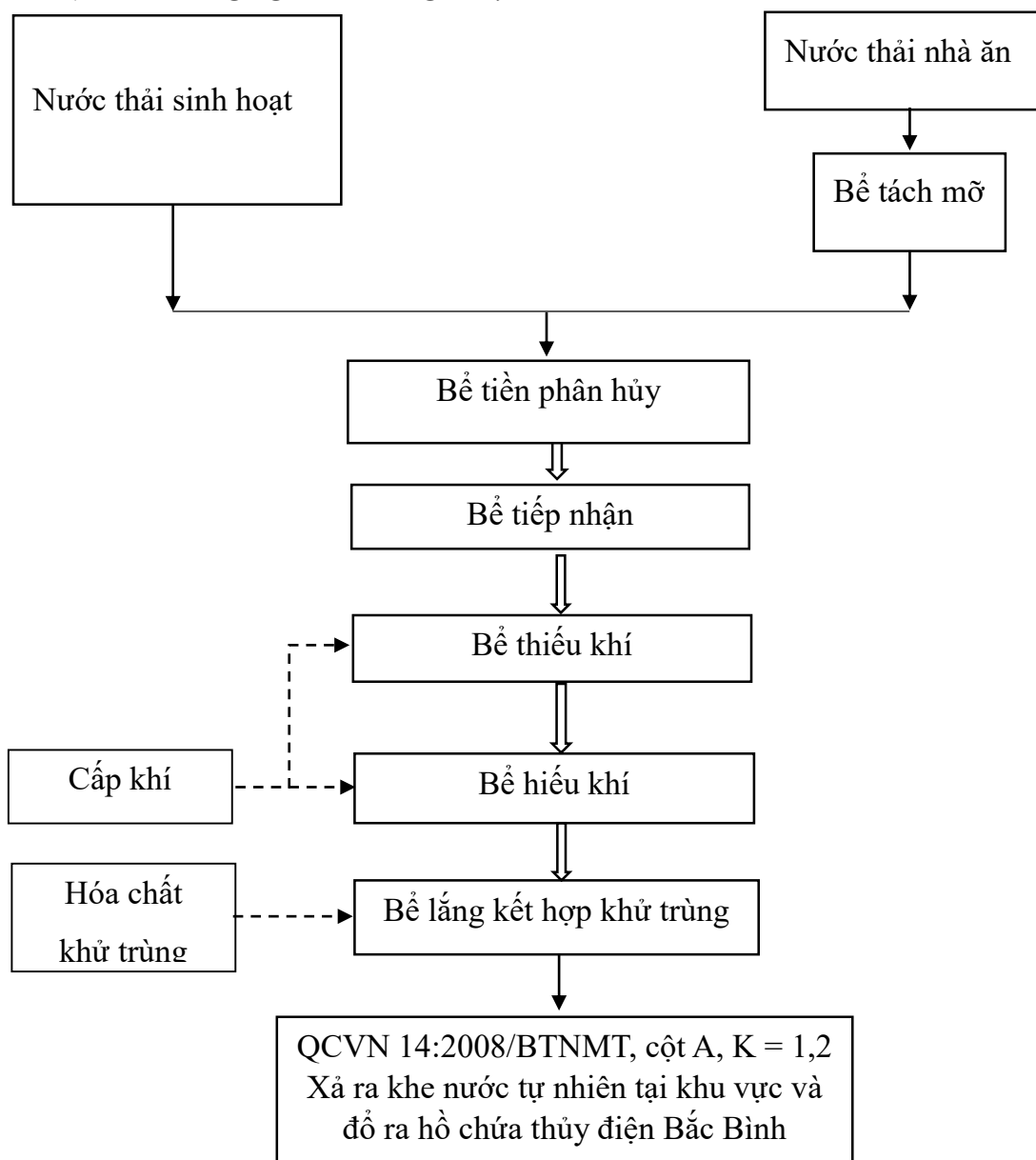
Hình 3. Hình ảnh bồn chứa vận chuyển nước thải từ khu vực Trạm phân phối, Đập tràn về cụm bể XLNTSH 05 gần khu Nhà máy

- Khu vực Đập tràn: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại khu vực Đập tràn theo đường ống PVC D100 thu gom về bể tự hoại 3 ngăn để xử lý sơ bộ. Định kỳ 01 tháng/lần, nước thải được bơm lên bồn chứa 01m³ và vận chuyển bằng xe về cụm bể xử lý nước thải sinh hoạt 05 gần khu Nhà máy để xử lý đạt quy chuẩn quy định trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

- Sơ đồ thu gom, xử lý nước thải của cơ sở



c) Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt



2. Biện pháp quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại

- Trong hoạt động của Công ty Thủy điện Đại Ninh, một số chất thải nguy hại phát sinh chủ yếu: Vật liệu lọc, giẻ lau dính dầu nhớt thải, dầu thủy lực thải (lẫn nước), bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải,...

- Công ty đã xây dựng 01 kho lưu trữ tạm thời chất thải nguy hại đảm bảo theo yêu cầu kỹ thuật. Các chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình sản xuất tại đơn vị được thu gom, phân loại và lưu giữ vào kho lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại của Công ty. Hàng năm, Công ty thuê đơn vị có chức năng để chuyển giao, xử lý chất thải nguy hại và báo cáo theo quy định.

VI. NỘI DUNG KẾ HOẠCH PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Nhận định các nguy cơ xảy ra sự cố môi trường trong quá trình hoạt động

STT	Hạng mục/thiết bị có nguy cơ xảy ra sự cố	Nguyên nhân	Dự đoán phạm vi/mức độ ảnh hưởng
1	Máy biến áp 1T; Máy biến áp 2T; Máy biến áp AT3; Máy biến áp AT4.	Sự cố cháy nổ Máy biến áp gây tràn dầu ra ngoài.	Không tác động nhiều đến môi trường xung quanh.
2	Kho lưu trữ tạm thời chất thải nguy hại	Rò rỉ chất thải lỏng; cháy kho lưu giữ tạm thời CTNH	Không tác động nhiều đến môi trường xung quanh.
3	Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.		
	Sự cố tắc nghẽn đường ống, mùi hôi từ nhà vệ sinh.	Do vật thể lạ hoặc ngăn chứa bị đầy làm tắc nghẽn đường ống, bay mùi.	Không tác động nhiều đến môi trường xung quanh.
	Sự cố trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.	- Mất điện, tắc nghẽn đường ống. - Hư hỏng thiết bị xử lý của HTXLNT (máy bơm, máy thổi khí, màng lọc...). - Chết vi sinh vật ở các bể sinh học.	Không tác động nhiều đến môi trường xung quanh.

2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

a) Biện pháp kiểm tra, bảo dưỡng, thay thế các thiết bị có nguy cơ xảy ra sự cố môi trường

STT	Hạng mục/thiết bị có nguy cơ xảy ra sự cố	Kiểm tra định kỳ	Nội dung kiểm tra	Thực hiện
1	Máy biến áp 1T; Máy biến áp 2T; Máy biến áp AT3; Máy biến áp AT4.	Thực hiện hàng giờ.	- Kiểm tra theo Quy trình vận hành và Xử lý sự cố Máy biến áp. - Thử nghiệm dầu Máy biến áp định kỳ để đánh giá tình trạng khí hòa tan trong dầu.	- Nhân viên vận hành thực hiện 24/24 giờ. - Phân xưởng Sửa chữa.

STT	Hạng mục/thiết bị có nguy cơ xảy ra sự cố	Kiểm tra định kỳ	Nội dung kiểm tra	Thực hiện
2	Kho lưu trữ tạm thời chất thải nguy hại.	Thực hiện hàng ngày.	Kiểm tra tình trạng kho: việc rò rỉ chất thải lỏng (dầu), các nguy cơ cháy nổ.	Kỹ sư an toàn.
3	Hệ thống xử lý thải sinh hoạt.	Thực hiện hàng ngày.	Kiểm tra tình trạng hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt.	Phân xưởng Sửa chữa.

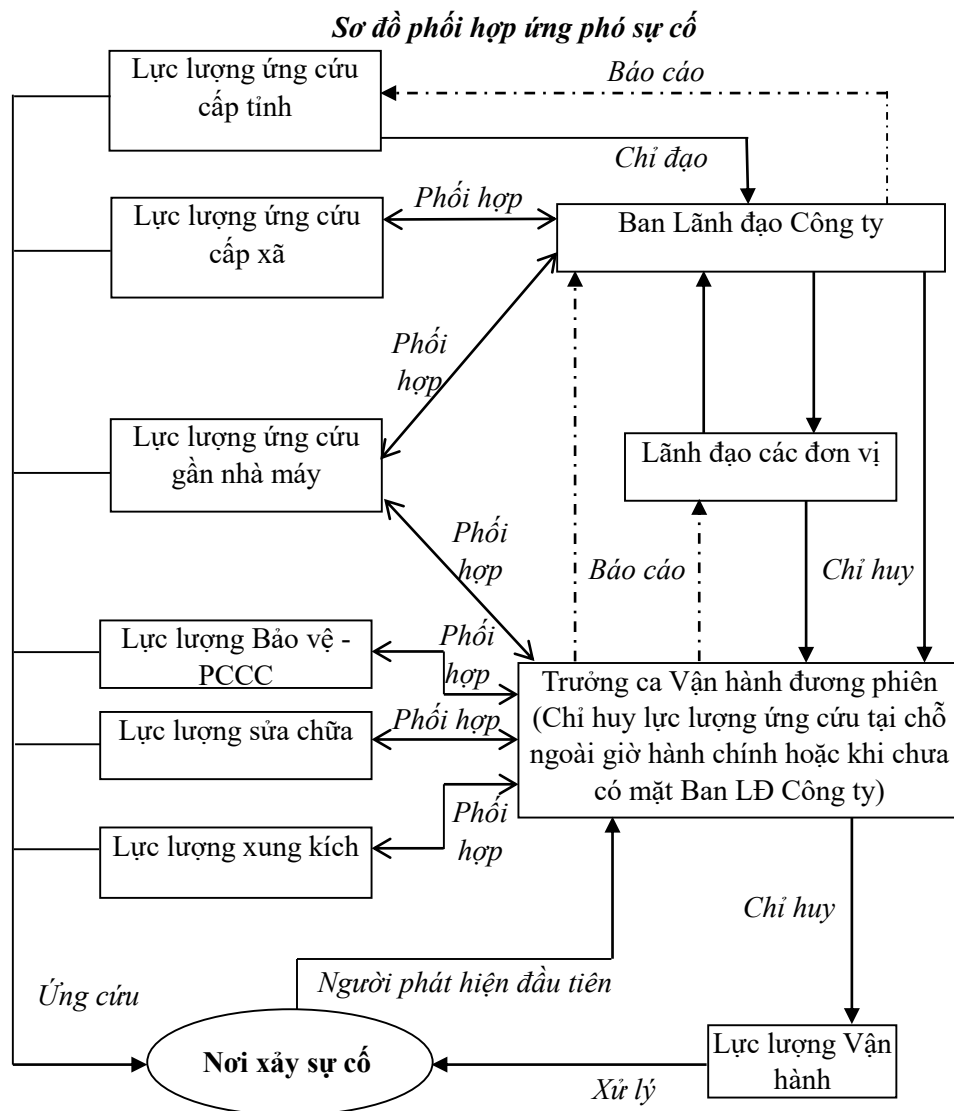
b) Biện pháp phòng ngừa, ứng phó với các sự cố môi trường

STT	Hạng mục/thiết bị có nguy cơ xảy ra sự cố	Dự báo tình huống sự cố	Nguyên nhân	Giải pháp phòng ngừa
1	Máy biến áp 1T; Máy biến áp 2T; Máy biến áp AT3; Máy biến áp AT4.	Sự cố cháy nổ máy biến áp gây tràn dầu ra ngoài.	Do hư hỏng các máy biến áp (ngắn mạch bên trong dẫn đến nổ máy biến áp).	- Thực hiện kiểm tra định kỳ và đột xuất theo các quy trình vận hành và xử lý sự cố Máy biến áp. Xử lý kịp thời các hiện tượng bất thường của thiết bị. - Thu gom dầu tràn đúng quy định đảm bảo không gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh. Tại vị trí đặt Máy biến áp đã được thiết kế đường ống thu gom dầu tràn khi Máy biến áp sự cố, dẫn về hố thu dầu nên đảm bảo không rò rỉ dầu ra bên ngoài môi trường.
2	Kho lưu trữ tạm thời chất thải nguy hại.	Sự cố cháy nổ các thùng đựng chất thải lỏng (dầu).	Do rò rỉ chất thải lỏng (dầu) ra ngoài có nguy cơ cháy nổ.	- Thực hiện kiểm tra kho thường xuyên, vệ sinh kho sạch sẽ, sắp xếp CTNH ngăn nắp theo từng mã CTNH, có các biển cảnh báo theo đúng quy định. - Thu gom dầu tràn đúng quy định đảm bảo không gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh. - Tại vị trí kho lưu giữ chất thải nguy hại tạm thời đã được thiết kế rãnh thu gom chất thải lỏng (dầu) dẫn về hố thu gom

STT	Hạng mục/thiết bị có nguy cơ xảy ra sự cố	Dự báo tình huống sự cố	Nguyên nhân	Giải pháp phòng ngừa
				nên đảm bảo không rò rỉ dầu ra bên ngoài môi trường.
3	Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.	Hư hỏng các ống dẫn nước thải chưa qua Module xử lý chảy ra môi trường.	Hư hỏng các ống dẫn nước thải chưa qua Module xử lý.	Thực hiện kiểm tra định kỳ và đột xuất phát hiện hư hỏng xử lý kịp thời.
		Bọt nổi.	Do bị sốc tải.	- Kiểm tra lại thông số nước đầu vào hoặc có thể pha loãng nước thải trước khi vào hệ thống xử lý. - Hạn chế sử dụng các loại chất tẩy rửa, hóa chất vào hệ thống. - Nếu lượng vi sinh thấp có thể cấp thêm vào.
		Bùn mịn, lắng chậm, nước thải sau lắng 30 phút có màu vàng	- Do thiếu dinh dưỡng. - Do bùn vi sinh bị mất hoạt tính.	- Tăng lượng nước cần xử lý. - Cung cấp thêm chất dinh dưỡng cho vi sinh.
		Hệ thống không hoạt động.	- Mất điện - Thiết bị hư hỏng hoặc bị nghẹt.	- Tắt CB tổng, kiểm tra nguồn điện. - Kiểm tra thiết bị để vệ sinh hoặc thay mới.

3. Phương án ứng phó sự cố môi trường

a) Sơ đồ tổ chức, chức năng nhiệm vụ của lực lượng ứng phó sự cố



b) Phương án đảm bảo nguồn lực để ứng phó, khắc phục sự cố môi trường và phân công trách nhiệm

- Tổ chức và điều hành ứng phó, khắc phục sự cố: Ban Lãnh đạo Công ty.

- Các đơn vị, cá nhân tham gia: Trưởng phó các đơn vị trong Công ty, Đội xung kích, Đội PCCC&CNCH, Đội sơ cấp cứu và nhân viên trực vận hành, sửa chữa, bảo vệ.

STT	Nhân lực	Số lượng (người)	Nhiệm vụ	Ghi chú
1.	Ban Lãnh đạo Công ty	03	Chỉ đạo chung việc ứng phó sự cố	

STT	Nhân lực	Số lượng (người)	Nhiệm vụ	Ghi chú
2.	Trưởng các đơn vị trong Công ty	6	Trực tiếp chỉ đạo CBCNV tham gia ứng phó sự cố	
3.	Đội PCCC	64	Tham gia ứng phó sự cố	
4.	Đội sơ cấp cứu	17	Tham gia ứng phó sự cố	
5.	Đội xung kích phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn	27	Tham gia ứng phó sự cố	
6.	Phân xưởng Vận hành	6	Tham gia ứng phó sự cố	Thường xuyên có mặt tại Nhà máy
7.	Phân xưởng Sửa chữa	28	Tham gia ứng phó sự cố	Thường xuyên có mặt tại Nhà máy

c) Trang thiết bị, phương tiện sử dụng ứng phó sự cố

STT	Tên vật tư	Đơn vị	Số lượng	Vị trí tập kết	Đơn vị quản lý
1.	Vòi chữa cháy	Cuộn	61	Bố trí tại các khu vực trong nhà máy	HCLĐ
2.	Lăng chữa cháy A	Chiếc	38		
3.	Khóa mở trụ nước	Chiếc	33		
4.	Bình bột chữa cháy xách tay, xe đẩy	Bình	69		
5.	Bình khí CO2 chữa cháy xách tay, xe đẩy	Bình	60		
6.	Mũ, quần áo, găng tay, ủng chữa cháy	Bộ	14		
7.	Khẩu trang lọc độc	Chiếc	7		
8.	Đèn pin chuyên dụng	Chiếc	12		
9.	Câu liềm, bô cào	Chiếc	2		
10.	Bộ đàm cầm tay	Chiếc	12		
11.	Dây cứu người	Cuộn	28		
12.	Thang chữa cháy	Chiếc	3		
13.	Mặt nạ phòng độc	Bộ	7		

STT	Tên vật tư	Đơn vị	Số lượng	Vị trí tập kết	Đơn vị quản lý
14.	Mặt nạ chống khói thoát hiểm KT-40 lọc được khí Xyanua, khói khí độc	Bộ	10		
15.	Loa pin	Chiếc	1		
16.	Băng dính (cuộn)	Cuộn	02		
17.	Băng kích thước 5 x 200 cm	Cuộn	04		
18.	Băng kích thước 10 x 200 cm	Cuộn	04		
19.	Băng kích thước 15 x 200 cm	Cuộn	02		
20.	Băng tam giác	Cái	04		
21.	Băng chun	Cuộn	04		
22.	Gạc thấm nước (10 miếng/gói)	Gói	02		
23.	Bông hút nước	Gói	05		
24.	Garô cao su cỡ 6 x 100 cm	Cái	02	Bao gồm 03 túi bố trí tại các khu vực: Phòng y tế nhà máy, PXVH, Văn phòng Công ty.	HCLĐ
25.	Garô cao su cỡ 4 x 100 cm	Cái	02		
26.	Kéo cắt băng	Cái	01		
27.	Kéo cắt chỉ	Cái	01		
28.	Panh không mẫu thẳng kích thước 16 - 18 cm	Cái	01		
29.	Panh không mẫu cong kích thước 16- 18 cm	Cái	01		
30.	Hộp chữ nhật đựng dụng cụ	Hộp	01		
31.	Hộp inox tròn cỡ nhỏ	Cái	01		
32.	Găng tay khám bệnh (đôi)	Đôi	10		

STT	Tên vật tư	Đơn vị	Số lượng	Vị trí tập kết	Đơn vị quản lý
33.	Nước muối sinh lý NaCl 9 ‰ (lọ 500ml)	Lọ	02		
34.	Dung dịch sát trùng (lọ):				
35.	- Oxy già	Lọ	03		
	- Cồn 70°	Lọ	03		
	- Dung dịch Povidin 10%	Lọ	03		
36.	Kim băng an toàn (các cỡ)	Bộ	01		
37.	Tấm lót nilon không thấm nước	Tấm	02		
38.	Phác đồ sơ cứu	Bản	01		
39.	Kính bảo vệ mắt	Cái	02		
40.	Băng ca xếp	Cái	01		
41.	Nẹp cổ	Bộ	01		
42.	Nẹp cánh tay	Bộ	01		
43.	Nẹp cẳng tay	Bộ	01		
44.	Nẹp đùi	Bộ	01		
45.	Nẹp cẳng chân	Bộ	01		
46.	Nhiệt kế điện tử hồng ngoại	Cái	01		
47.	Mặt nạ phòng độc	Cái	01		
48.	Phiếu ghi danh mục trang thiết bị có trong túi	Phiếu	01		
49.	Cán cứu thương	Cái	01	PXVH	HCLĐ
50.	Xe ô tô khách 29 chỗ	Chiếc	02	Bố trí tại nhà máy thủy điện Đại Ninh.	KHVT
51.	Xe ô tô 7 chỗ	Chiếc	02		
52.	Xe nâng hàng 5 tấn	Chiếc	01		
53.	Xe chữa cháy	Chiếc	01		

Ngoài ra, tại kho vật tư của Công ty luôn đảm bảo các thiết bị dự phòng, sẵn sàng thay thế các thiết bị sự cố có liên quan đến môi trường.

d) Các biện pháp cảnh báo, báo động hệ thống thông tin liên lạc nội bộ và thông báo ra bên ngoài trong trường hợp sự cố.

- Hệ thống cảnh báo, báo động gồm: Còi báo động (đặt tại Phòng điều khiển trung tâm, do ca vận hành đương phiên quản lý), hệ thống cảnh báo lũ từ xa, hệ thống camera giám sát lũ, camera bảo vệ.

- Hệ thống thông tin nội bộ: Hệ thống điện thoại nội bộ, bộ đàm cầm tay.

- Hệ thống thông báo ra bên ngoài: Điện thoại đường dài, fax.

4. Phương án đào tạo, phối hợp, sơ tán người và tài sản, diễn tập

Thực hiện theo các phương án, quy định đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt (có liên quan đến nguy cơ sự cố môi trường), cụ thể:

- Đối với các Máy biến áp 1T; Máy biến áp 2T; Máy biến áp AT3; Máy biến áp AT4: Thực hiện theo phương án chữa cháy Nhà máy thủy điện Đại Ninh.

- Đối với cháy, nổ kho lưu giữ chất thải nguy hại: Thực hiện theo Kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố do chất thải nguy hại gây ra.

- Trường hợp cần sự hỗ trợ từ các cơ quan chức năng và các đơn vị bên ngoài, Lãnh đạo Công ty căn cứ vào tình huống và mức độ sự cố sẽ thông báo và đề nghị các cơ quan bên ngoài hỗ trợ.

- Trường các đơn vị trong Công ty có trách nhiệm phổ biến, quán triệt các biện pháp ứng phó sự cố môi trường đến CBCNV biết để thực hiện. Việc diễn tập thực hiện lồng ghép vào các tình huống diễn tập chữa cháy, phòng chống lụt bão hàng năm của Công ty.

5. Quy trình ứng phó đối với tình huống xảy ra sự cố môi trường

Việc ứng phó tình huống xảy ra sự cố môi trường tuân theo các bước sau:

- Huy động mọi nguồn lực về người và trang thiết bị của Công ty để ngăn chặn, hạn chế sự lan rộng của sự cố, nhằm giảm thiểu tối đa ảnh hưởng đến sức khỏe cho người và môi trường xung quanh.

- Kiểm soát cháy nổ, dập tắt các đám cháy nếu có, sơ tán người, tài sản và bố trí nơi ở cho người sơ tán.

- Hỗ trợ về nơi ăn ở, y tế cho người bị ảnh hưởng bởi sự cố.

- Thu dọn, xử lý môi trường khu vực bị ảnh hưởng.

- Đánh giá nhanh mức độ thiệt hại để quyết định sự trợ giúp của các đơn vị bên ngoài.

- Đánh giá tổng hợp tình hình, khắc phục nhanh sự cố để ổn định sản xuất.

- Báo cáo và phối hợp tích cực với các cơ quan chức năng trong việc khắc phục sự cố, phục hồi môi trường.

6. Danh sách liên lạc nội bộ và các đơn vị bên ngoài liên quan

STT	Tên cá nhân, đơn vị cần liên hệ	Điện thoại	Ghi chú
1	Ô. Nguyễn Hữu Phước - Giám đốc	DD: 0963.636351	
2	Ô. Nguyễn Viết Tài – Phó Giám đốc	DD: 0968.787313	
3	Ô. Đào Ngọc Trường – Phó Giám đốc	DD: 0986456768	
4	Ô. Nguyễn Đăng Tuấn – TP. KTAT	DD: 0963.426230	
5	Ô. Phùng Văn Chuẩn – QĐ. PXVH	DD: 0963.128389	
6	Ô. Nguyễn Chín – QĐ. PXSC	DD: 0986.627818	
7	Ô. Lê Văn Thanh – TP. HCLĐ	DD: 0963.849197	
8	Ô. Nguyễn Văn Quân – TP. KHVT	DD: 0963.772284	
9	Ô. Nguyễn Viết Khôi – Kỹ sư An toàn	DD: 0388.8163051	
10	B. Trần Thị Thanh Tâm – Phụ trách Y tế	DD: 0913.666907	
11	Ô. Nguyễn Văn Hòa – Tổ trưởng tổ Bảo vệ	DD: 0963.636342	
12	Cứu hỏa	114	
13	Cấp cứu y tế	115	